|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /2021/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác liên quan đến các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đó để xử phạt.

Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc là hành vi tổ chức, cá nhân đã không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của quản lý nhà nước trước một thời điểm trong quá khứ.

Hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện là tại thời điểm phát hiện, hành vi vi phạm vẫn đang diễn ra.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 3 như sau:

a) Bãi bỏ điểm g, khoản 3, Điều 3.

b) Bổ sung điểm r khoản 3 Điều 3 như sau:

“r) Buộc nộp lại giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.”

c) Bổ sung điểm s khoản 3 Điều 3 như sau:

“s) Buộc đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thông báo không đúng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính khi có thay đổi về hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bưu chính theo quy định của pháp luật.”

b) Bổ sung điểm c khoản 5 Điều 5 như sau:

“c) Tịch thu Giấy phép bưu chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này;”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 5, 5a Điều 6 như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông báo không đúng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính khi có thay đổi liên quan đến văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.

b) Thực hiện thông báo hoạt động bưu chính tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền quá thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên hoạt động bưu chính.

2. Phạt tiền từ5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính khi có thay đổi một trong các nội dung đã thông báo hoạt động bưu chính.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

c) Hoạt động bưu chính không đúng với nội dung quy định trong văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.

5a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.”

5. Bãi bỏ điểm b khoản 5 Điều 6

6. Bổ sung khoản 4a vào Điều 7 như sau:

“4a. Phạt tiền từ 20.000.000 đến 30.000.000 đối với hành vi thể hiện thông tin khối lượng trên bưu gửi không đúng với khối lượng thực tế của bưu gửi.”

7. Bổ sung thêm điểm b khoản 3 Điều 9 như sau:

“b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 1 đến 3 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều này”

8. Bổ sung thêm điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

“c) Chấp nhận bưu gửi khi trên bưu gửi không có thông tin liên quan đến người gửi hoặc người nhận, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

9. Bổ sung thêm điểm e khoản 3 và điểm g khoản 4 Điều 13 như sau:

a) Bổ sung thêm điểm e khoản 3 Điều 13 như sau:

“e) Không niêm yết công khai giá cước dịch vụ bưu chính”.

b) Bổ sung thêm khoản 4a vào Điều 13 như sau:

“4a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi áp dụng giá cước không đúng với giá cước các dịch vụ bưu chính như đã thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

c) Bổ sung thêm khoản 4b vào Điều 13 như sau:

“4b. Tước quyền sử dụng Giấy phép bưu chính từ 4 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4a Điều này”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 điều 15 như sau:

“7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép viễn thông đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này”

11. Thay thế khoản 3 điều 24 như sau:

“3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động phát triển mạng lưới, thuê bao mới tính từ thời điểm ban hành quyết định giải quyết tranh chấp của cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông, Hội đồng cạnh tranh từ 22 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.”

12. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không niêm yết hướng dẫn sử dụng dịch vụ và các số máy dịch vụ viễn thông khẩn cấp, dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định, dịch vụ báo hỏng số thuê bao điện thoại cố định.”

b) Bãi bỏ điểm b khoản 9 và kết cấu lại khoản 9 như sau:

“9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này.”

13. Bổ sung điều 50A như sau:

**“Điều 50A: Vi phạm các quy định về phí sử dụng kho số viễn thông**

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nộp không đủ số phí phải nộp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí sử dụng kho số viễn thông quá 30 ngày so với thời hạn quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tạm ngừng kết nối tới tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Buộc nộp đủ số phí theo quy định đối với các hành vi vi phạm tại Điều này.”

14. Sửa đổi một số Điểm, khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 51 như sau:

“1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lưu trữ hồ sơ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và **báo cáo** theo quy định.”

b) Bãi bỏ điểm d và điểm 5 Điều 51.

15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 53 như sau:

a) Sửa đổi Điểm g khoản 3 Điều 53 như sau:

“g) Không đảm bảo điều kiện kỹ thuật, nhân sự để cơ quan nhà nước có thẩm quyền truy nhập vào hệ thống thiết bị của doanh nghiệp để thẩm tra số liệu.”

b) Bổ sung điểm c vào khoản 4 Điều 53 như sau:

“c) Không đảm bảo trung tâm dữ liệu phù hợp với các quy chuẩn theo quy định hoặc không thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với tiêu chuẩn và mức đảm bảo kỹ thuật đã xác định hoặc đưa trung tâm dữ liệu vào sử dụng trước khi nhận được “Thông báo tiếp nhận Bản công bố phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 54 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 54 như sau:

“a) Vẫn tiếp tục khai thác, sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định khi Giấy chứng nhận kiểm định đã hết hiệu lực.”

b) Bổ sung thêm điểm d khoản 3 Điều 54 như sau:

“d) Không ngừng hoạt động, khắc phục những điểm chưa phù hợp và tiến hành kiểm định lại thiết bị viễn thông khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật ngoài quy định cho phép hoặc khi có thay đổi công trình xây dựng lân cận dẫn đến mất an toàn phơi nhiễm trường điện từ”

17. Bổ sung Điều 56A như sau:

“**Điều 57. Vi phạm các quy định về phí quyền hoạt động viễn thông**

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nộp không đủ số phí phải nộp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí quyền hoạt động viễn thông quá 30 ngày so với thời hạn theo thông báo của Cục Viễn thông.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động phát triển mạng lưới, thuê bao mới đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp đủ số phí theo quy định đối với các hành vi vi phạm tại Điều này.”

18. Bổ sung điểm đ vào Khoản 2 Điều 44 như sau:

“đ) Không phải cơ quan báo chí nhưng đăng ký tên miền giống, hoặc trùng tên cơ quan báo chí”

19. Bổ sung điều 44a như sau:

“**Điều 44a: Tạm ngừng hoạt động tên miền “.vn” trong ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.**

Để ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính hoặc bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, cơ quan có thẩm quyền xử phạt gửi yêu cầu bằng văn bản đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia đối với các hành vi quy định tại: Điểm c khoản 1, Điểm b,d Khoản 2 Điều 44; Khoản 3 Điều 98; Khoản 2, Khoản 3 Điều 99; Khoản 3 Điều 100; Điểm b,g,h,l Khoản 3, Điểm b Khoản 4, Khoản 6, Khoản 7 Điều 102; Điểm a Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 103; Khoản 3, Điểm c Khoản 6 Điều 104 tại Nghị định này.”

20. Sửa đổi Điểm a Khoản 1 Điều 46 như sau:

“Không thực hiện định tuyến các vùng địa chỉ IP theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông”.

21. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 58 như sau:

“c) Sử dụng không đúng tần số được quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc đài vô tuyến điện di động thuộc mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ;”

22. Sửa đổi khoản 7 Điều 58 như sau:

 “7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sử dụng băng tần, vị trí quỹ đạo vệ tinh nhưng không có giấy phép tần số và quỹ đạo vệ tinh.”

23. Bổ sung khoản 3a vào Điều 64 như sau:

“3a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.”.

24. Sửa đổi điểm a, Khoản 1, Điều 98 như sau:

“Không làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thiết lập mạng xã hội trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng; Sử dụng giấy phép thiết lập mạng xã hội hết hạn.”.

25. Một số khoản, điểm của Điều 100 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 100 như sau:

“Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc đăng ký, lưu trữ và quản lý thông tin cá nhân của người thiết lập trang thông tin điện tử cá nhân và người cung cấp thông tin khác trên mạng xã hội theo quy định”

b) Bổ sung điểm e vào Điều 100 như sau:

“e) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo chậm trên 15 ngày so với quy định hoặc hoặc không báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”

c) Bổ sung điểm h Khoản 2 Điều 100 như sau:

“h. Cung cấp dịch vụ không đúng với quy định tại Giấy phép thiết lập mạng xã hội.”.

d) Bổ sung điểm i Khoản 2 Điều 100 như sau:

“i) Tước quyền sử dụng Giấy phép thiết lập mạng xã hội từ 3 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 2 Điều này.”

26. Tên Điều 101 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 101. Vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội; trang thông tin điện tử được thiết lập thông qua mạng xã hội”**

27. Một số khoản, điểm của Điều 103 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm d Khoản 4 Điều 103 như sau:

“Thực hiện không đúng quy định tại Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng”.

28. Một số khoản, điểm của Điều 104 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 104 như sau:

“d. Không thực hiện đăng ký hoặc thực hiện đăng ký không đầy đủ thông tin cá nhân của người chơi khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1;”.

b) Bổ sung điểm e, khoản 5 Điều 104 như sau:

“e. Hệ thống quản lý thanh toán cho trò chơi điện tử không đặt tại Việt Nam hoặc không kết nối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ thanh toán của Việt Nam hoặc không cho phép người chơi có thể tra cứu được thông tin chi tiết về tài khoản thanh toán của mình.”.

29. Một số khoản, điểm của Điều 114 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 114 như sau:

''b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

b) Bổ sung điểm b khoản 2 Điều 114 như sau:

''Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

b) Bổ sung điểm b khoản 3 Điều 114 như sau:

''b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 56.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

30. Một số khoản, điểm của Điều 115 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 115 như sau:

"b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 115 như sau:

“c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;”.

c) Bổ sung điểm b khoản 2 Điều 115 như sau:

''Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

d) Bổ sung điểm b khoản 3 Điều 115 như sau:

''b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

31. Một số khoản, điểm của Điều 116 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 116 như sau:

''b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 116 như sau:

''2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 2.400.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 116 như sau:

''3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 116 như sau:

''4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''

đ) Bổ sung điểm b khoản 5 Điều 116 như sau:

''b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 116 như sau:

''6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa có quyền:”.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''

32. Một số khoản, điểm của Điều 117 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 117 như sau:

''b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

b) Bổ sung điểm b khoản 2 Điều 117 như sau:

''b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 117 như sau:

''3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''

đ) Bổ sung khoản 3a Điều 117 như sau:

“3a. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 117 như sau:

''4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''.

33. Một số khoản, điểm của Điều 118 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 118 như sau:

''b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 1.600.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

b) Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 118 như sau:

''c) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

c) Bổ sung điểm b khoản 3 Điều 118 như sau:

'b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;'''

d) Bổ sung điểm b khoản 4 Điều 118 như sau:

''b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 16.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 118 như sau:

'' 5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 24.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 118 như sau:

'' 6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.’’.

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 118 như sau:

'' 7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 41 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''.

34. Một số khoản, điểm của Điều 119 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm b khoản 1 Điều 119 như sau:

''b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 800.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử.''

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 119 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

'b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.’’.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 119 như sau:

'' 3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.''.

d) Bổ sung điểm b khoản 4 Điều 119 như sau:

''b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;''

35. Bổ sung Điều 119a như sau:

 **“Điều 119a. Thẩm quyền của Hải quan**

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

2. Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, giao dịch điện tử;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

36. Sửa đổi, bổ sung Điều 120 như sau:

“Điều 120. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Thông tin và Truyền thông, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 114 Nghị định này, các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực Thông tin và Truyền thông theo thẩm quyền của chức danh tương đương được quy định tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính khác và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 115 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nhân dân có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 116 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 117 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao..

5. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 118 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 119 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Người có thẩm quyền xử phạt của Hải quan có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI, Chương VII Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 119a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Tài chính, cơ quan Thuế có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 46, Điều 44 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điều 9, 34, 56,76, 92, 112 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

9. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 94; Điểm b khoản 2, điểm a, b và đ khoản 3 Điều 99; Điều 101; Điểm c, h khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 6 và khoản 7 Điều 102; Điều 105; Khoản 2 và khoản 3 Điều 106. và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

10. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra y tế, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thanh tra y tế có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại c khoản 3 Điều 99, điểm h khoản 3 Điều 100, điểm e, h khoản 1 Điều 101, điểm h khoản 3 Điều 102 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

11.Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội**,** người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 77; khoản 3, điểm đ khoản 5 Điều 104 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản:**

1. Bổ sung Điều 1 như sau:

“ Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải xuất bản phẩm trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 2 như sau:

“đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định pháp luật tham gia hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 như sau

“a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn từ 01 đến 12 tháng, bao gồm: Giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm, phụ trương, giấy phép xuất bản chuyên trang, giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh giấy phép sản xuất kênh chương trình, giấy phép nhập khẩu báo in, tạp chí in, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, giấy phép xuất bản bản tin, giấy phép xuất bản đặc san, giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam, giấy phép hoạt động in, giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm;”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Buộc thu hồi sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình, xuất bản phẩm, sản phẩm in vi phạm các quy định của pháp luật;”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 3 Điều 3 như sau:

“m) Buộc tái xuất xuất bản phẩm nhập khẩu là tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức hoặc là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng; buộc tái xuất đối với báo in, tạp chí in mà không đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu với Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi nhập khẩu; thiết bị in…”

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 3 Điều 3 như sau:

“n) Buộc tiêu huỷ sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm, sản phẩm in vi phạm quy định của pháp luật;”

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí là 500.000.000 đồng đối với tổ chức, 250.000.000 đồng đối với cá nhân; hoạt động xuất bản, hoạt động in là 200.000.000 đồng đối với tổ chức và 100.000.000 đồng đối với cá nhân.”

5. Sửa đổi khoản 5 Điều 5 như sau:

“Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi:

Hoạt động báo in, tạp chí in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí điện tử không có giấy phép hoạt động báo chí theo quy định trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này và đăng, phát thông tin ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của đất nước và của nhân dân”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện liên kết sản xuất chương trình, kênh phát thanh, kênh truyền hình, sản phẩm báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử ngoài lĩnh vực cho phép;

b) Liên kết sản xuất một phần hoặc toàn bộ chương trình, kênh chương trình với đối tác không phải là tổ chức có pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.”

7. Một số khoản, điểm của Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung e, Khoản 4, Điều 20 như sau:

“e. Sử dụng các tên miền hoặc ứng dụng không được quy định trong Giấy phép để cung cấp trang thông tin điện tử tổng hợp.”.

b) Sửa đổi khoản 7 Điều 20 như sau:

“7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 4; Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều này.”

8. Bổ sung thêm Điều 28a như sau:

**“Điều 28a. Vi phạm quy định về giấy phép, điều kiện hoạt động in và điều kiện nhận chế bản, in, gia công sau in**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cập nhật không đầy đủ thông tin về việc nhận chế bản, in, gia công sau in vào “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in” theo mẫu quy định;

b) Lưu giữ không đầy đủ hồ sơ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;

c) Thực hiện dịch vụ photocopy nhưng không khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Giao kết hợp đồng chế bản, in, gia công sau in với tổ chức, cá nhân đặt in nước ngoài nhưng hợp đồng không thể hiện đầy đủ một trong các thông tin về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nước ngoài có sản phẩm đặt chế bản, in, gia công sau in; thông tin về tên, loại sản phẩm in, số lượng in, địa điểm sản xuất, thời gian xuất khẩu, tên cửa khẩu xuất khẩu, quốc gia nhập khẩu sản phẩm in và các thông tin khác có liên quan.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép hoạt động in;

b) Sử dụng giấy phép hoạt động in chưa được cấp lại theo quy định để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

c) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có một trong các thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ xưởng sản xuất của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in;

d) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi thông tin đã đăng ký;

đ) Không lưu giữ giấy tờ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in và các giấy tờ khác theo quy định;

e) Không lập “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in”.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ hồ sơ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in;

b) Chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in nhưng không có phiếu đặt in đối với các sản phẩm in phải có phiếu đặt in.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động in nhưng cơ sở in không đủ điều kiện hoạt động sau khi được cấp giấy phép hoạt động in hoặc được xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in;

b) Thực hiện chế bản hoặc gia công sau in nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc xác nhận đăng ký hoạt động;

c) Chế bản, in, gia công sau in báo, tạp chí, sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, tem chống giả nhưng không có hợp đồng in;

d) Không thực hiện việc xuất khẩu 100% số lượng sản phẩm in khi nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;

đ) In sản phẩm in không phù hợp với loại sản phẩm in ghi trên giấy phép hoạt động in.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài sản phẩm là báo, tạp chí, tờ rời, tờ gấp và các sản phẩm in khác có nội dung về chính trị, lịch sử, địa lý, tôn giáo, địa giới hành chính Việt Nam, chủ quyền quốc gia;

b) Chế bản, in, gia công sau in nhưng không có xác nhận đăng ký hoạt động in của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở in phải đăng ký hoạt động in.

6. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi in tem chống giả, báo, tạp chí, sản phẩm báo chí và sản phẩm thông tin có tính chất báo chí theo quy định nhưng không có giấy phép hoạt động in do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều này.”

9. Bổ sung Điều 28b như sau:

**“Điều 28b. Vi phạm quy định về nội dung sản phẩm in**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng máy photocopy hoặc các thiết bị in văn phòng để nhân bản trái phép ấn phẩm báo chí, xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh hoặc lưu hành rộng rãi.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung sai sự thật nhưng chưa nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in có nội dung không đúng hoặc không phù hợp với giấy tờ, tài liệu chuyên ngành;

b) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung bí mật đời tư của cá nhân nhưng không được sự đồng ý của cá nhân đó, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in nhưng không được sự đồng ý cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu mẫu sản phẩm đặt in;

b) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy các sản phẩm in nhằm xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

c) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung sai sự thật nghiêm trọng;

d) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung mê tín dị đoan, không phù hợp thuần phong mỹ tục;

đ) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung dâm ô, đồi trụy;

e) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

g) Chế bản, in, gia công sau in sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí chưa được cấp phép hoặc giấy phép xuất bản đã hết hạn.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy ấn phẩm hoặc tác phẩm báo chí đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy;

b) Chế bản, in, gia công sau in báo, tạp chí chưa được cấp phép.

6. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung gây ảnh hưởng hoặc phương hại đến lợi ích quốc gia hoặc gây mất đoàn kết dân tộc; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động hoặc từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi sản phẩm in đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm in đối với hành vi quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều này.”

10. Bổ sung Điều 28c như sau:

**“Điều 28c. Vi phạm quy định về nhập khẩu, quản lý, sử dụng thiết bị in**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận vào đơn chuyển nhượng;

c) Thanh lý máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu nhưng không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép nhập khẩu thiết bị in.

b) Nhập khẩu máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu không đúng hoặc không phù hợp với giấy phép nhập khẩu đối với một trong các nội dung sau đây: Model, số sê-ri máy, nước sản xuất, năm sản xuất, số lượng, chất lượng thiết bị đối với mỗi thiết bị in.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu từng thiết bị in không đúng hoặc không phù hợp với giấy phép nhập khẩu đối với một trong các nội dung sau đây: Model, số sê-ri máy, nước sản xuất, năm sản xuất, số lượng, chất lượng thiết bị đối với mỗi thiết bị in, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu từng thiết bị in thuộc loại phải có giấy phép nhập khẩu nhưng không có giấy phép nhập khẩu.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.”

11. Bổ sung Điều 32a như sau:

**“Điều 32a. Vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ thông tin, báo cáo trong hoạt động in**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định;

b) Kê khai, đăng ký, báo cáo, giải trình không trung thực hoặc không chính xác;

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi phát hiện sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật;

b) Không xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan khi có yêu cầu của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

c) Không báo cáo, giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39 như sau:

“1. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm , Đội trưởng Công an nhân dân có quyền:”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 như sau:

“2. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:”

15. Bổ sung Điều 34a như sau:

**“34a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 và khoản 5 Điều 24; Khoản 3 Điều 25; Điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, điểm c khoản 3, các điểm a, b, e và g khoản 4, các điểm b, c và đ khoản 5 và khoản 6 Điều 29

16. Bổ sung Điều 34b như sau:

**“34b.** **Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra y tế:**

 Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra y tế có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; xử phạt hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm c khoản 4, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 8.”.

17. Bổ sung Điều 34b như sau:

“**34b. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội**:

Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội**,** người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d, e, g, h khoản 3 Điều 8; điểm c khoản 3 Điều 15; điểm d khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 2 Điều 25.”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Các chức danh nêu tại các Điều 33, 34, 34a, 34b, 35, 36, 37, 38, 39 và 40 Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.”.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

**Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

**Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán Nhà nước;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg. TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (2b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |